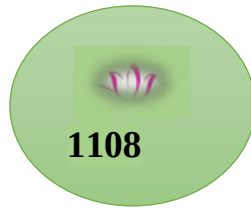


Lê Anh Minh



THẬP GIỚI CÔNG QUÁ CÁCH

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

LỜI NÓI ĐẦU

Trong Thiện thư của Lê Anh Minh có đoạn viết:

“Công quá cách” là *“Những cuốn sổ ghi công – lỗi”*. Công Quá Cách là một dạng bảng tự kiểm hàng ngày. Thiện ngôn thiện hành (lời lành việc tốt) được xem là công và được ghi vào công cách; Ác ngôn ác hành (lời ác việc ác) được xem là quá và được ghi vào quá cách (chữ “quá” nghĩa là «sai lầm, tội lỗi»).

Lời tựa của Thái Vi Tiên Quân Công Quá Cách viết: *«Tu Chân chi sĩ, minh thư nhật nguyệt, tự ký công quá, tự tri công quá đa quả»* (có nghĩa là: Người tu chân mỗi ngày mỗi tháng phải ghi rõ công và tội của mình để tự biết công và tội ấy nhiều hay ít)¹.

Trong cuốn Liễu Phàm Tứ Huấn (là “Bốn điều khuyên dạy của tiên sinh Viên Liễu Phàm thời nhà Minh (từ năm 1535- 1609), ông kể lại câu chuyện của chính cuộc đời mình cho con cháu. Năm 15 tuổi ông gặp Khổng tiên sinh và được Khổng lão đoán định số mạng, công danh cho ông. Trong vòng 20 năm, ông tự chiêm nghiệm những lời đoán này thì điều nào Khổng tiên sinh dự đoán đều đúng hết. Về chung cuộc, Khổng tiên sinh đoán định ông đỗ đạt

¹ Trích “Thiện thư” (người dịch: Lê Anh Minh)

không cao, không con trai nối dõi, năm 53 tuổi thì chết.

Năm 35 tuổi, ông được Vân Cốc thiền sư dạy cho cách chuyển đổi số mạng, Vân Cốc Thiền sư đưa cho ông cuốn “Công quá cách” bảo ông ghi hết những điều đã làm trong ngày; thiện thì được điểm, ác thì trừ điểm, để quyết tâm sửa đổi. Ông chân thực làm và ông đã chuyển họa thành phước, cải tạo được vận mạng của mình: Ông đỗ tiến sĩ vào niên hiệu Vạn lịch thứ 14, có con trai là Thiên Khải, và thọ đến 74 tuổi.

Qua đó nêu rõ tính xác thực của lý nhân quả, khuyên người phải biết sợ sệt tránh xa những việc xấu ác và nỗ lực làm thiện.

Lão Pháp sư Tịnh Không, có giảng như sau:

*“...Vào thời nhà Minh, “**Công quá cách**” rất phổ biến. Chúng tôi từ trên lịch sử xem thấy, vĩ nhân có thành tựu rất nhiều, đều là đã từng dùng phương pháp “**Công quá cách**” để kiểm điểm lỗi lầm của mình.*

Công quá cách, hiện tại tại ở Đài Loan và Hương Cảng cũng rất lưu thông, nên có thể tìm thấy. Chúng tôi trong quá khứ cũng đã từng in ấn rất nhiều. Mỗi ngày đều đánh dấu, việc tốt đã làm trong ngày tôi tự mình đánh dấu. Mỗi ngày sai sót đã tạo,

phản tỉnh lỗi sai, sai cũng đánh dấu vào. So sánh thiện ác, tôi ngày hôm nay đến cuối cùng là thiện nhiều hay ác nhiều? Thời gian đầu tôi làm, nhất định là thiện ác lẫn lộn, có khả năng là ác nhiều hơn thiện, cảnh giác của bản thân liên tăng cao. Ngày ngày đều chân thật nỗ lực sửa sai, hi vọng đến một ngày, một khi mở công quá cách ra đều là thuần thiện không ác, thì bạn đã thành công rồi....” (Trích Liễu Phàm Tứ Huấn Giảng giải – Chủ giảng: Lão Pháp sư Tịnh Không).

Công quá cách có rất nhiều chủng loại, tương truyền Phạm Trọng Yên, sinh năm 989 - mất 1052, ông là nhà chính trị, nhà văn, nhà quân sự, nhà giáo dục thời Bắc Tống² và Tô Tuân³, sinh năm 1009 - mất 1066, ông là quan nhà Tống, và là nhà văn đứng trong hàng tám nhà văn lớn thời Đường -Tống trong lịch sử văn học Trung Quốc. Cả hai luôn có cuốn “Công Quá cách” theo bên mình.

² **Phạm Trọng Yên**, tiếng Trung: 范仲淹, (989 - 1052), tự **Hy Văn**, thụy **Văn Chánh**, là một nhà chính trị, nhà văn, nhà quân sự, nhà giáo dục thời Bắc Tống. Ông là người huyện Ngô, Tô Châu (nay thuộc Tô Châu, Giang Tô).

³ **Tô Tuân** (chữ Hán:蘇洵, 1009-1066), hiệu: **Lão Tuyền** là quan nhà Tống, và là nhà văn đứng trong hàng tám nhà văn lớn ^[1] thời Đường-Tống trong lịch sử văn học Trung Quốc.

Nhận thấy cuốn “Công quá cách” này quá quan trọng chúng tôi đã mạo muội biên tập lại cuốn “Công quá cách” trên cơ sở cuốn “Cảm Ứng – Âm Chất Giác thể - Công Quá cách - Tỉnh thể ngộ Chân”, nguyên bản: Của ông Mạch Quốc Thoại – Ở chùa ông Tân Uyên, Biên Hòa, do Cư sĩ Trảng Bàng Ấn Tống – Nhà xuất bản Xưa và Nay - Sài gòn năm 1925, đề cúng dường những người hữu duyên, giúp cho liên hữu xa gần có thể chuyển hóa thành phước, giúp người người hạnh phúc, nhà nhà hạnh phúc, XH hạnh phúc, và tạo nền tảng vững chắc cho việc thành tựu đạo quả.

Trong quá trình biên tập, do bản văn xuất bản từ năm 1925 nên có một số từ ngữ hơi khó hiểu, trúc trắc chúng tôi vẫn để nguyên bản, đồng thời phần chú thích cuối là do ban biên tập sưu tầm. Do trình độ nông cạn, học vấn thấp kém, chắc chắn không thể tránh được sai sót. Kính mong các liên hữu xa gần đóng góp ý kiến, chúng tôi xin tri ân và chân thành sửa đổi để lần tái bản sau được tốt hơn.

*Nhóm gia giới đệ tử đạo tràng 1108
thành tâm cúng dường.*

Hà Nội tháng 1/2017

THẬP GIỚI CÔNG QUÁ CÁCH

(Người dịch: Lê Anh Minh)

LỜI NÓI ĐẦU

Trong tác Phẩm Thiện thư, Tác giả Lê Anh Minh có viết như sau:

“Léon Wiegier⁴ cho rằng Thập Giới Công Quá Cách xuất hiện cuối đời Đường, nhưng theo Khanh Hy Thái, Thập Giới Công Quá Cách hấp thu nội dung tu dưỡng của Lý học gia đời Tống và Minh, như vậy ắt xuất hiện rất trễ tuy nhiên chẳng rõ vào thời điểm nào.

Thiện thư này bảo: “Học Đạo là chuyện [liên quan đến] thân tâm và tính mệnh. (...) Nên lấy thập giới để định công và quá.”⁵

Thập giới là mười giới cấm về sát (sát sinh, giết người và loài vật), đạo (trộm cắp), dâm (dâm dục), khẩu ác (lời nói ác độc), khẩu thiệt (cãi cọ), ỷ ngữ

⁴ Léon Wiegier S.J., *Histoire des Croyances religieuses et des Opinions philosophiques en Chine*, Hien-hien, 1927, tr. 579 (*L'index des mérites et des démérites*). Xem bản dịch phía sau.

⁵ Thập giới là mười giới cấm về sát (*sát sinh, giết người và loài vật*), đạo (*trộm cắp*), dâm (*dâm dục*), khẩu ác (*lời nói ác độc*), khẩu thiệt (*cãi cọ*), ỷ ngữ (*lời nói thêu dệt*),⁽³⁴⁶⁾ vọng ngữ (*lời nói dối trá*), tham (*tham lam*), sân (*nóng giận*), và si (*ngu si*).⁽⁶⁾

(lời nói thêu dệt), vọng ngữ (lời nói dối trá), tham (tham lam), sân (nóng giận), và si (ngu si) Bảy giới đầu ứng với bốn giới trong Ngũ Giới Cấm của Phật Giáo và Cao Đài (bất sát sinh, bất du đạo, bất tà dâm, bất vọng ngữ), còn ba giới sau ngăn trừ tam độc (tham, sân, si).

Bản Thập Giới Công Quả Cách mà Léon Wieger dịch ra Pháp văn chia thành mười bảy chủ đề như: (1) Đối với cha mẹ, (2) Đối với huynh đệ, (3) Đối với thê thiếp, (4)

Cha và chú bác đối với con cháu, (5) Môn đệ đối với thầy học và bằng hữu đối với nhau, (6) Đối với gia nhân, (7) Bác ái, từ thiện, (8) Thương yêu loài vật, (9) Tổng quát về thiện ác, (10) Tư tưởng, (11) Hành vi, (12) Ngôn ngữ, (13) Đối với thánh thần, (14) Dục vọng và tự chủ, (15) Y phục và ẩm thực, (16) Tài sản và thương nghiệp, và (17) Giới dâm.

LỜI TỰ CÔNG-QUÁ-CÁCH

*Tựa này của Quan-Đế⁶⁻ⁱ giản bút tại Kinh-Đô,
niên hiệu vua Gia-Khánh năm thứ 6⁷*

Quan-Thánh-Đế-Quân dạy rằng:

⁶ Quan Thánh Đế Quân tức Quan Vũ, tự là Vân Trường (160-220). Ông là người đứng đầu trong Ngũ Hồ Tướng của Lưu Bị và là anh em kết nghĩa với Lưu Bị, Trương Phi. Sau khi Lưu Bị tiến quân vào Tây Thục và dựng nên nhà Thục Hán thì cục diện Trung Quốc hình thành thế thiên hạ chia ba: bao gồm Bắc Ngụy (đứng đầu là Tào Tháo), Đông Ngô (đứng đầu là Tôn Quyền) và Tây Thục (đứng đầu là Lưu Bị. Năm 219, tướng Đông Ngô là Lữ Mông đem quân đánh úp Kinh Châu. Quan Vũ thua trận chạy ra Mạch Thành và cầu cứu Lưu Phong (con nuôi Lưu Bị). Tuy nhiên Lưu Phong không đem quân ứng cứu, vậy nên Quan Vũ bị Lữ Mông bắt được và giết hại. Lưu Bị biết tin đem 70 vạn quân đánh Đông Ngô báo thù cho Quan Vũ. Tuy nhiên Lưu Bị mắc mưu của Lục Tốn bị thất bại đem tàn quân về Bạch Đế thành và mất tại Bạch Đế thành.

⁷ **Thanh Nhân Tông** (chữ Hán: 清仁宗, 13 tháng 11 năm 1760 – 2 tháng 9 năm 1820), hay còn gọi **Gia Khánh Đế** (嘉慶帝), là hoàng đế thứ 7 của nhà Thanh trong lịch sử Trung Quốc Mãn Châu, cai trị từ năm 1796 đến năm 1820.

“Nguyên xưa ta là dân lành thời Đại-Hán, may gặp chúa thánh, kết nghĩa tại vườn-đào; thề trừ tội gian nhà Hán, đánh Ngô, phạt Ngụy, quyết đem về nhà Hán (cho) họ Lưu. Không dè thiên-hạ chia ba, trong lòng tráng sĩ chưa toại, ta bị vây tuyệt lương tại Mạch-thành, cháu ta là Lưu-Phong không ứng tiếp, nên Kinh-Châu thất thủ, bởi mắc kế của tiểu-nhơn là Lữ-Môn, thiệt là khó từ tội ấy. Sau nhờ ơn anh rộng lượng, đã không chấp, lại hưng binh phạt Ngô mà báo cừ, cũng vì nghĩa tôi em mới bị thất, rồi về thành Bạch-Đế mà băng. Chiếm cứ một cõi Tây-Thục mà thôi, thật chưa thỏa nguyện. Nhớ tới việc cũ hổ-thẹn vô cùng, nhưng bởi khí số trời đã định, nên khó nổi giúp nhau.

Sau ta hiển thánh đã lâu, vâng Thượng-Đế cầm quyền trong thế-giới. Ngày kia ta tuần vãn đến tỉnh Giang-Nam, thấy lòng người càng ngày càng lung, phong tục càng ngày càng tệ.

Ta động lòng thương đời, vi phạm luật Trời rất nặng, cũng bởi chưa hiểu thiên-luật, nên không biết mà cử kiên (kiêng cử). Thấy vậy ta bèn tâu với Thượng-Đế, xin cho Phù-Hựu Đế-quân là Lữ-Động-Tânⁱⁱ chép cuốn luật phước tội, là Công-Quá-Cách, gián bút cho đời biết điều gì được mấy lành và điều gì bị mấy tội mà giữ mình.

Ta cũng có bổ thêm một hai điều, cho kẻ ngoan-ngạnh chữa lỗi (cải ác tùng thiện). Không dè có kẻ

đại-ác, chê Công-Quá-Cách là sự trái, không tin sự tội phước. Thiệt rất uổng công chúng ta quá!

Hôm trước, nhằm ngày rằm tháng tư, ta đến châu đức Thái - Thượng Đạo - Tổ⁸, các thần tiên cũng có đến nữa, rồi qua phó hội nơi cung Diêu-Tri, ăn yến tại cung Tây-Vương-Mẫu. Có ông Lữ-Động-Tân với chư Tiên, đều trách đời không tin Công-Quá-Cách. Ta với các vị Thần Thánh, đều thờ ra mà thôi, chớ hết chỗ nói nữa.

Nay gặp diệp Ngô-khả-Sư, với Châu-đại-Luận, hai người có lòng thành thỉnh Tiên, chánh ý cầu ta gián bút (gián cơ) nên ta phải xuống cất nghĩa một lần nữa, cho rành sự tích Công-Quá-Cách. Hỡi ôi! Lòng người tập sự dữ (làm dữ) đã quen, thiệt không kể xiết.

1. Không ngay, không thảo, chẳng nghĩa, chẳng nhơn (nhân từ).
2. Không sợ oai trời, chẳng kiêng người lớn, không vâng lời của Thánh Hiền.
3. Mở miệng thì nói những chuyện không có, gọi là sự mới nghe;
4. Luận bàn sự nữ-sắc, gọi là sự khoái lạc;
5. Bộ nhà giàu không dám nói tên;

⁸ Đức **Thái Thượng Đạo Tổ** còn có danh xưng Đức Thái Thượng Lão Quân hay Đức Lão Tử

6. Khinh người hiền xánh - khỏe mà kiêu ngạo. Bởi quen tánh xác xược;
7. Ý của mà hành hung; Khi có việc cầu người thì lạy gần sới trán.
8. Bạn hữu mình nghèo thì lơ-lãng, làm mặt lạ không ngó tới nhau;
9. Đương lúc có của thì lo sắm sửa cho huê - mỹ, không biết lo đến ngày sau.
10. Ganh hiền, ghét ngỗ, cứ bới lông tìm vết mà chê người.
11. Cười nhà nghèo, mà bợ kẻ giàu, không biết hổ thẹn, ít ai biết sửa mình mà chừa thói ấy.
12. Tuy mặt người nhưng lòng chẳng phải là người, vậy mà ai nói tới thì giận.
13. Đám ma mà dùng nhạc cho vui;
14. Gặp chuyện ăn mừng thì bày ra hát xướng, gọi là trả lễ cho linh-thần. Thần Thánh đâu có ham vui mà làm cho tổn của phàm dân? Vả lại bày sự nhơ nhớp trước mặt Thánh Thần, ấy là cầu tội chớ không phải là cầu phước.
15. Cũng như làm chay mà lại sát sanh, bày thết thú vật trước mặt Phật, là chuốc lấy tội cho mình;
16. Xô giàng (?) làm cho người đập đồ ăn, thì là làm cho thêm tổn đức, chớ có phước chi. Bày nhiều đều lãng phí, mới sanh ra sự khó nghèo.

Kinh Minh-Thánh ta đã cấm sát sanh, kinh Giác-Thế ta đã bảo phóng sanh. Ta nào hưởng loại súc-vật mà cúng tế? Ấy là cãi lời ta dạy, bày ra ăn uống, lại đồ tiếng cho ta, cũng chẳng khác bày hát xướng cho Thần coi đó. Khắc bạc (Ác nghiệt) bắt nhân mà muốn giàu bền sao đặng? Không biết cần kiệm thì làm sao nên tiểu phú? Xa-xỉ lãng phí thì giàu phải trở ra nghèo, vì hủy của Trời, nên mau hết lộc, nếu hết lộc thì phải chết.

17. Có làm lỗi không chịu chừa cải, lại kiếm có mà nói cho qua, chớ chẳng chịu cho người sửa quấy.
18. Làm dữ lại khoe tài giỏi, ai có can gián thì lại giận hờn.
19. Xui gây gỗ kiện thưa mà kiếm lợi;
20. Lo với chỗ quyền thế, như cáo mượn oai cộp mà hại người.
21. Lòng độc như loài rắn, rết chẳng gươm đao, bút độc như ong, hại người thêm nhức nhối;
22. Lại phân bì người đời trước, bàn luận việc xưa nay, khoe việc văn chương, hay đặt điều trêu hoa ghẹo nguyệt.
23. Gặp việc thì lui chân sợ chết; bình thường thì khoe miệng đặng cầu danh.

24. Ở quấy với bằng hữu lại đổ lỗi lỗi cho người.
25. Miệng nói ngọt như đường, lời giao ước chẳng
đặng bao lâu mà đã phụ.
26. Chuyện nhỏ mọn không đáng giận, cũng lo kẻ
báo thù.
27. Khoe mình sánh với người xưa, nghe lời luận có
nhiều điều kẻ vạch;
28. Khoe mình sánh với người hiền trước, xét ra thì
lòng quyết hại chúng mà lợi mình.
29. Vì sự lợi mà quên cha mẹ, có của nhiều mà
không kể đến anh em.
30. Mỏ nhọn như chim gõ-kiến, hay nói thị phi;
31. Miệng độc như đuôi ong bầu, hay bày châm
chích.
32. Thường năm con ta tau (hàng năm còn tau trình
ta) về sự xin xăm:

Nhiều kẻ hỏi chuyện ruộng vườn, chuyện nhà
cửa, sự công danh, sự tài lợi, chớ không ai hỏi
chuyện quả báo và tội phước của mình.

Mỗi tháng Châu - Thương trình về sự hứa
nguyện: Nhiều kẻ hứa cúng áo, cúng liễn, cúng
dầu, lập chùa miếu, chớ không ai nguyện in kinh
cho thiên hạ.

33. Lòng người gian dối, tập tục xấu đã thành, cứ làm sự dữ dư muôn ngàn kẻ đà không xiết. Dầu lấy hết nước biển, nước sông Huỳnh-Hà mà rửa cũng không sạch được.

Nay ta sẵn lòng đến đây là vì việc ấy. Rất dối ta còn ngồi đây, mà chúng nó cũng nhỏ to bàn luận, nếu ta đi rồi, chắc chúng nó sẽ bài bác chớ chẳng không. Máy thừa mà biết ăn năn đặng sửa mình cho chánh. Song ta chẳng nỡ đãi người như cầm thú, nên không ngại mỗi miệng mà nói dai, gắng nói hết lời cho người đời tỉnh lại, ví như ngọn đèn gần tắt, mà cũng nhán lại một cái rồi mới tắt luôn.

Bởi ta theo lòng Trời rộng dung mà đợi người chữa lỗi, cũng như lòng vua thánh khóc kẻ có tội, mà khuyên những người sau. Thiệt nói một câu mà sa một giọt lụy. Lòng ta thương bá tánh vô cùng, khá sớm hồi tâm, như kẻ làm hàng bỏ dao thọc huyết, rồi tu lâu cũng có lẽ thành Phật được. Mau gẫm lại, như vén mây ngút thì thấy trời xanh. Ta nói ra càng động lòng, người nghe qua nên tạc dạ, nếu thấy lời này mà không học, thiệt kẻ cù-khôi, nếu nghe lời ta mà không vâng theo thì là người liều mạng. Rất dối sãi xưa giảng kinh Phật, cục đá cũng gặt đầu, lẽ nào người mà không bằng đá. Dầu lòng độc ác, mà nghe lời lành thì cũng động chút lương tâm, nếu chẳng ăn năn, thì chịu tội sao cho nổi?

Phải sửa! Phải sửa! Sửa cho ra thể con người.

Phải suy! Phải suy! Suy cho ra sự lỗi.

Ba mươi khoan nói lành nói dữ, cũng như thuốc đắng trị bệnh người đời; Mấy ngàn câu dạy thảo dạy ngay, thiệt là luận nghiêm, định phần thưởng phạt. Người trí cao thì gọi là sự thường, kẻ ít học phải giữ làm là luật. Kẽ thông đạo lý, không cần phân sự họa phước với quỉ thần. Muốn sửa lòng dân, nên phải giảng việc dữ lành và báo ứng.

Nếu ai vâng theo Công-Quá-Cách được một năm, thì được phước gia bội, đặng mười năm thì thêm một kỉ⁹, khỏi bị ôn dịch, cầu gì được nấy.

Nếu không tin mà kiêu ngạo, thì sẽ bị lửa trời, lửa đất, lửa người đốt liền và roi sắt, roi vàng, roi người áp tới. Chết rồi đầu thai ra súc vật, không được trở lại làm người, chừng ấy ăn năn sao kịp.

Đội trời, đạp đất thì phải cải dữ làm lành, đừng liều mạng hủy mình, để tới đâu hay tới đó. Như vậy thì ta mừng cho, chớ khá quên lời dặn.

⁹ Kỉ -12 năm

THẬP GIỚI CÔNG QUÁ CÁCH

(Người dịch: Lê Anh Minh)

1. ĐỐI VỚI CHA MẸ (41 điều, 20 công, 21 quá).

CÔNG:

- 1- Thương yêu hòa nhã với cha mẹ (mỗi ngày 1 công).
- 2- Sớm tối hỏi han sức khỏe (mỗi ngày 1 công).
- 3- Khéo cư xử và lao động tốt để cha mẹ vui lòng (mỗi ngày 1 công).
- 4- Tận tụy với cha mẹ (mỗi lần một công).
- 5- Khi cha mẹ la rầy, khiêm cung lắng nghe, mà không cãi lại (1 công).
- 6- Khuyên cha mẹ một điều ích lợi (3 công).
- 7- Xoa dịu, an ủi cha mẹ (3 công).
- 8- Chi tiêu rộng rãi cho cha mẹ (3 công).
- 9- Dè dặt kín đáo khuyên cha mẹ sửa lỗi (10 công).
- 10- Khuyên cha mẹ hành thiện (10 công).
- 11- Thay mặt cha mẹ mà sửa chữa một lầm lỗi hoặc một món nợ (10 công).
- 12- Yêu quý những gì cha mẹ yêu quý (một lần 10 công).
- 13- Chăm sóc và canh chừng giấc ngủ khi cha mẹ bệnh (30 công).

- 14- Chân thành chia sẻ sự khổ não của cha mẹ (50 công).
- 15- Làm rạng rỡ danh tiếng cho cha mẹ (50 công).
- 16- Chu đáo lo việc tang ma cha mẹ (50 công).
- 17- Chịu đựng khi cha mẹ [vốn là người nóng nảy] buồn bực, cáu giận (100 công).
- 18- Hoán cải cha mẹ cải ác vi thiện (100 công).
- 19- Không trì hoãn việc mai táng cha mẹ (100 công).
- 20- Ấn định một khoản tiền dự trữ để cúng giỗ cha mẹ hằng năm (1.000 công cho mỗi 100 đồng bỏ ra).

QUÁ

- 1- Khiến cha mẹ không có con cháu nối dõi tông đường bằng cách tự hủy hoại thân thể do trụy lạc hoặc bị hành hình do phạm tội (100 quá).
- 2- Làm lợi cho vợ con nhưng gây tổn hại cho cha mẹ (100 quá).
- 3- Khâm liệm cha mẹ vội vã qua loa (100 quá).
- 4- Trì hoãn quá lâu việc mai táng cha mẹ (100 quá).
- 5- Khi cha mẹ đau ốm, không quan tâm chăm sóc (50 quá).
- 6- Biêu riếu tội lỗi cha mẹ (50 quá).
- 7- Không cảnh báo cho cha mẹ thấy trước điều làm lỗi (30 quá).
- 8- Xúi giục cha mẹ làm điều quấy (20 quá).

- 9- Nóng giận và ngược đãi cha mẹ (20 quá).
- 10- Khinh bỉ, bạc đãi người mà cha mẹ quý trọng (10 quá).
- 11- Chán ghét ghê tởm cha mẹ già yếu tật nguyên (10 quá).
- 12- Mắng cha mẹ người khác để rồi cha mẹ mình bị người ta mắng lại (10 quá).
- 13- Không phân chia tài sản cho cha mẹ (10 quá).
- 14- Tranh chấp tài sản với cha mẹ (10 quá).
- 15- Trách móc cha mẹ (10 quá).
- 16- Mặt sưng mày sĩa với cha mẹ (10 quá).
- 17- Khiến cha mẹ đau khổ (10 quá).
- 18- Khiến cha mẹ vất vả khó nhọc (10 quá).
- 19- Đi xa, để cha mẹ già một mình ở nhà (10 quá).
- 20- Thiếu sót với cha mẹ (mỗi lần 10 quá).
- 21- Không kính trọng và không quan tâm cha mẹ (mỗi ngày 1 quá).
- 22- Ăn uống không dành phần cho cha mẹ (mỗi lần một quá).

2. ĐỐI VỚI ANH EM¹⁰ (24 điều, 10 công, 14 quá)

¹⁰ Nguyên bản không đề cập chị em gái vì họ không ở lâu với gia đình. Các cô con gái được gả đi càng sớm càng tốt. Họ không có quyền thừa kế. Khi dịch, tôi châm chú, thay vì chỉ viết *anh em* như nguyên bản, thì viết thêm *anh chị em*.

Chú ý: Cư xử tốt với anh chị em cùng cha khác mẹ,⁽³⁴⁹⁾ mỗi công sẽ được nhân đôi. Cư xử tốt với anh chị em họ, mỗi công được nhân ba.

CÔNG:

- 1- Yêu thương và tận tụy với anh chị em (1 công/1 người).
- 2- Chân thành hòa hợp và cộng tác với anh chị em (1 công/1 người).
- 3- Khuyên anh chị em làm điều thiện, ngăn cản anh chị em làm điều ác (1 công).
- 4- Không nghe lời vợ hay tôi tớ mà nghịch với anh chị em (10 công).
- 5- Không cãi cọ với anh chị em về công việc hằng ngày (10 công).
- 6- Không giành lấy riêng cho mình những tài sản chung trong nhà (10 công).
- 7- Chịu phí tổn về tang ma hay cưới hỏi của anh chị em (50 công/1 người).
- 8- Cưu mang anh chị em bị sa sút, túng bấn (50 công).
- 9- Bằng cách nêu gương tốt và khuyên bảo, khiến cho anh chị em trở nên tốt đẹp hơn (100 công).

QUÁ

- 1- Làm cho gia đình bất hòa, chia rẽ, kiện tụng giữa anh chị em (100 quá).
- 2- Bạc đãi và xúc phạm em út (100 quá).

- 3- Không cứu giúp anh chị em lúc khốn khó (100 quá).
- 4- Cản trở anh chị em làm điều thiện, xúi giục làm điều ác (50 quá).
- 5- Tranh chấp lợi lộc giữa anh chị em (10 quá).
- 6- Nghe lời gièm pha của vợ hay tôi tớ mà chia rẽ anh chị em (10 quá).
- 7- Hắt hủi anh chị em kém may mắn đến vay mượn (10 quá).
- 8- Ganh tị với anh chị em may mắn hơn mình (mỗi ngày 2 quá).
- 9- Tỏ ra thói xấu với anh chị em (1 quá).
- 10- Không cho em những gì em cần (mỗi lần 1 quá).
- 11- Lấy quá phần của mình lẽ ra được hưởng (giá trị cứ 100 quan thì tính 1 quá).
- 12- Làm thịnh khi thấy anh chị em làm quấy (1 quá).
- 13- Nói xấu về anh chị em trước mặt người lạ (1 quá).

3. ĐỐI VỚI THÊ THIẾP (15 điều, 6 công, 9 quá)

CÔNG:

- 1- Chồng nhường nhịn, khiêm tốn đối với thê thiếp (mỗi ngày 1 công).
- 2- Cảnh báo cho họ biết những lỗi lầm (mỗi lần 1 công).

- 3- Khéo xử để thiếp giữ phận thấp hơn thê (1 công).
- 4- Cản trở vợ và con gái không cho đi rong chơi khỏi nhà (10 công).
- 5- Khuyên bảo vợ trẻ biết tôn trọng cha mẹ chồng và sống hòa hợp với chị hay em gái của chồng (50 công).
- 6- Khuyên bảo vợ khéo cư xử (100 công).

QUÁ

- 1- Lúc nên danh phận và giàu có thì ruồng rẫy vợ (100 quá).
- 2- Làm ngơ khi vợ thiếu sót bốn phận với cha mẹ chồng (100 quá).
- 3- Coi trọng thiếp hơn thê (100 quá).
- 4- Cho phép vợ này hà hiếp vợ kia (30 quá).
- 5- Không nghe lời can gián đúng đắn của vợ (10 quá).
- 6- Cho phép vợ đi rong chơi (10 quá).
- 7- Để mặc thê thiếp chửi nhau thô tục (5 quá).
- 8- Để cho vợ kế hành hạ con của vợ quá cố (1 quá).
- 9- Để cho thê thiếp bất hòa (mỗi ngày 1 quá).

4. CHA VÀ CHÚ BÁC ĐỐI VỚI CON CHÁU (13 điều, 5 công, 8 quá)

CÔNG

- 1- Giúp con hay cháu một ý kiến hay (mỗi lần 1 công).
- 2- Ngăn cấm con hay cháu làm quấy (mỗi lần 10 công).
- 3- Ngăn cấm con hay cháu trộm cắp (mỗi lần 30 công).
- 4- Dạy con hay cháu về đạo đức (mỗi lần 100 công).

QUÁ

- 1- Không dạy con hay cháu biết bốn phận chủ yếu của chúng (100 quá).
- 2- Cản trở sự học hành của chúng (50 quá).
- 3- Xúi trẻ làm quấy (50 quá).
- 4- Lợi dụng trẻ gây thơ (30 quá).
- 5- Dung túng con hay cháu tập tành thói hư tật xấu (30 quá).
- 6- Làm gương xấu cho chúng (10 quá).
- 7- Con yêu con ghét (10 quá).
- 8- Chửi rủa đánh đập con cháu thay vì giáo dục chúng (2 quá).

5. MÔN ĐỆ ĐỐI VỚI THẦY, BẰNG HỮU ĐỐI VỚI NHAU (17 điều, 10 công, 7 quá)

CÔNG

- 1- Tôn kính thầy và thực hành điều thầy dạy (mỗi ngày 1 công).

- 2- Giao du với bạn tốt và duy trì sự kết giao này (mỗi ngày 1 công).
- 3- Chia sẻ với bạn những gì mình có (giá trị cứ 100 quan tính 1 công).
- 4- Gạt bỏ ngoài tai những xúi giục của bạn xấu (mỗi lần 1 công).
- 5- Chia sẻ vui buồn với bạn (mỗi lần 1 công).
- 6- Giữ lời hứa với nhau (mỗi lần 1 công).
- 7- Dẫn dắt bạn về đường ngay lẽ phải (10 công).
- 8- Khi trở nên giàu có không đoạn giao với bạn cũ thuở hàn vi (30 công).
- 9- Thành tâm tưởng nhớ bạn quá cố (30 công).
- 10- Trợ giúp bạn lúc bạn gặp nguy khó (100 công).

QUÁ:

- 1- Từ chối giúp bạn khi mình có khả năng giúp được (50 quá).
- 2- Từ chối giúp vợ con của bạn khi bạn qua đời hay đi xa (50 quá).
- 3- Quên lãng thầy học, bạn quá cố, bạn sa cơ lỡ vận (50 quá).
- 4- Vô cớ đoạn giao với bạn cũ (20 quá).
- 5- Phê bình và chỉ trích thầy học về nhân cách và sự giảng huấn (10 quá).
- 6- Yếu lòng nghe lời bạn xấu xúi dục làm quấy (3 quá).
- 7- Nuốt lời hứa với bạn (1 quá).

6. ĐỐI VỚI GIA NHÂN (16 điều, 8 công, 8 quá)

CÔNG

- 1- Chu cấp rộng rãi thực phẩm và y phục cần thiết cho họ (mỗi ngày 1 công).
- 2- Động viên và an ủi họ trong công việc (mỗi lần 1 công).
- 3- Tha thứ lỗi vạ của họ (mỗi lỗi 2 công).
- 4- Chăm sóc họ lúc họ đau ốm (20 công).
- 5- Tác thành cho tôi tớ kết hôn với nhau (20 công).
- 6- Thuận cho tớ gái lấy chồng bên ngoài và cho của hồi môn (30 công).
- 7- Mua trẻ nô lệ và trả nó về cha mẹ nó mà không đòi hỏi gì hết (cứ 100 quan giá mua tính 1 công).
- 8- Giáo dục đạo đức cho tôi tớ (100 công).

QUÁ

- 1- Buộc tôi tớ phải sống độc thân [mà phục vụ chủ] (100 quá).
- 2- Tra tấn làm què quặt tôi tớ (100 quá).
- 3- Bán tớ gái cho kẻ muốn lợi dụng ả (100 quá).
- 4- Thông dâm với tớ gái (20 quá).
- 5- Thưởng phạt tôi tớ một cách bất công (20 quá).
- 6- Vô cớ quát mắng tôi tớ (3 quá).
- 7- Cư xử tàn nhẫn với tôi tớ (5 quá).
- 8- Không chu cấp tôi tớ nhu yếu phẩm (mỗi ngày 1 quá).

7. BÁC ÁI TỪ THIÊN (75 Điều, 41 công, 34 quá) CÔNG

- 1- Thu nhận người không nơi nương tựa (mỗi ngày 1 công).
- 2- Cung cấp thực phẩm cho kẻ bị đói kém (1 công).
- 3- Cho mười người khát uống nước (1 công).
- 4- Cấp y phục cho người thiếu mặc (giá trị y phục cứ 100 quan tính 1 công).
- 5- Cho mượn đèn đóm (1 công).
- 6- Cho mượn ô (dù) đi mưa hay nắng (1 công).
- 7- Phát thuốc miễn phí (1 công).
- 8- Đưa giúp một lá thư giùm cho ai đến tay người nhận mà không đọc lên (1 công).
- 9- Bồi thí cho người nghèo (cứ 100 quan tính 1 công).
- 10- Giúp kẻ tha hương [nghèo túng] được hồi hương (phí tổn cứ 100 quan tính 1 công).
- 11- Giúp vợ chồng người ta [vì hoàn cảnh phải xa nhau] được đoàn tụ (phí tổn cứ 100 quan tính 1 công).
- 12- Mùa đông cho kẻ hành khát bát canh nóng (1 công).
- 13- Giúp người trong việc tang ma, cưới hỏi (cứ 100 quan tính 1 công).

- 14- Đóng góp tiền để tạo tác hoặc bảo trì cầu cống, đường sá, đê điều, giếng nước (cứ 100 quan tính 1 công).
- 15- Giúp khâm liệm và mai táng xác chết [vô thừa nhận] (phí tổn cứ 100 quan tính 1 công).
- 16- Cho người bát cháo trong mùa đói kém hoặc lúc thời giá đắt đỏ [kinh tế khó khăn] (2 công).
- 17- Cứu giúp người bị bệnh dịch (2 công).
- 18- Giúp chuộc tội cho kẻ bị án (phí tổn cứ 100 quan tính 2 công).
- 19- Giúp người lang thang một chỗ qua đêm (1 đêm 2 công).
- 20- Khuyên người điều hay lẽ phải (3 công).
- 21- Chữa lành một vết thương nhỏ cho ai (3 công).
- 22- Chôn cất xương vô chủ (10 công).
- 23- Bảo vệ sức khỏe hay sinh mệnh người khác (10 công).
- 24- Giúp người khác trong công việc (10 công).
- 25- Giúp người khỏi bị sảy thai (20 công).
- 26- Cứu người khỏi tội hình (20 công).
- 27- Chữa lành một bệnh nặng (30 công).
- 28- Bồi thí quan tài (30 công).
- 29- Cho phép chôn cất người nghèo trong phạm vi đất đai của mình (30 công).
- 30- Chẩn tế cô nhi và quả phụ (30 công).
- 31- Đem lại công bằng cho người bị áp bức (từ 30 đến 100 công tùy trường hợp).
- 32- Cứu tế người bị đại nạn (50 công).

- 33- Giúp một người nghèo khổ (50 công).
- 34- Tổ chức tang ma cho người nghèo (50 công).
- 35- Cứu trẻ gái khỏi bị trấn nước¹¹ (352) (50 công).
- 36- Cứu sống ai (100 công).
- 37- Khi không có con nối dõi thì nhận một con nuôi (100 công).
- 38- Giúp người nghèo một vốn liếng cần thiết để kết hôn (100 công).
- 39- Thu nhận trẻ bị bỏ rơi (100 công).
- 40- Giúp vợ chồng con cái người khác đang ly tán được đoàn tụ (100 công).
- 41- Giúp người nghèo có một nguồn lợi đáng kể (100 công).

QUÁ

- 1- Giết người (100 quá).
- 2- Hại người cho đến tàn mạt lụn bại (100 quá).
- 3- Trấn nước bé gái (100 quá).
- 4- Phá gia cang người khác (100 quá).
- 5- Làm cho người khác hư hỏng sa đọa (100 quá).
- 6- Xâm phạm nghĩa trang của gia tộc người khác (100 quá).
- 7- Phá hoại mộ phần người ta (100 quá).
- 8- Cản trở, phá hoại hôn nhân người khác (100 quá).
- 9- Pha chế độc dược (100 quá).

¹¹ Thói trọng nam khinh nữ ở Trung Quốc thời xưa khiến nhiều kẻ nhân nước giết con mới sinh nếu bé là trẻ gái.

- 10- Chỉ vẽ phương thuốc cho ai khiến họ phải tốn kém nhưng chẳng trị được hết bệnh (100 quá).
- 11- Không cứu người khỏi cơn nguy khi mình có thể giúp (50 quá).
- 12- Xúi giục, tán trợ việc trấn nước bé gái (50 quá).
- 13- Xúi giục, tán trợ việc phá thai (50 quá).
- 14- Do oán hận mà hãm hại gia đình người ta (50 quá).
- 15- Quăng ném bừa bãi hài cốt đã bị khai quật ra ngoài đồng ruộng (50 quá).
- 16- San bằng phần mộ người khác trong vùng đất của mình (50 quá).
- 17- Đạp giẫm lên lúa người khác trồng (30 quá).
- 18- Làm hư hoại cầu, phà, giếng nước công cộng (30 quá).
- 19- Trừng phạt lầm người (30 quá).
- 20- Có thể giúp mà không chịu giúp cô nhi, quả phụ lúc hoạn nạn (30 quá).
- 21- Có thể làm được mà không chịu minh oan cho kẻ bị kết án sai (30 quá).
- 22- Làm thầy thuốc mà chăm sóc bệnh nhân cầu thả (20 quá).
- 23- Không giúp kẻ bất hạnh (20 quá).
- 24- Có thể làm được mà không chịu chỉ dạy cho người điều hay lẽ phải (10 quá).
- 25- Xúc phạm người già, người tật nguyền, trẻ em (10 quá).

- 26- Hón hờ mưu lợi từ sự bất hạnh của người khác (10 quá).
- 27- Suốt một ngày làm cản trở giao thông tại đường nhỏ hẹp, bến phà, cầu kiều (10 quá).
- 28- Quở trách người vô tội (3 quá).
- 29- Đọc lén thư người khác (3 quá).
- 30- Có trách nhiệm quản lý nhưng quản lý tồi nhân viên (3 quá).
- 31- Uy hiếp, khủng bố người khác (3 quá).
- 32- Cự tuyệt người nghèo đến xin giúp đỡ (2 quá).
- 33- Gọi đích danh tên riêng của ai (2 quá).¹²⁽³⁵³⁾

8. THƯƠNG YÊU LOÀI VẬT (16 điều, 8 công, 8 quá)

CÔNG

- 1- Cứu một con vật vô dụng [như già yếu, bị giết] (1 công).
- 2- Cứu một côn trùng (1 công).
- 3- Nuôi nấng chu đáo gia súc (mỗi ngày 1 công).
- 4- Chôn xác một con vật bị chết (1 công).
- 5- Vuốt ve xoa dịu một con vật đang bị đau đớn (1 công).
- 6- Mua và phóng sinh các con vật nhỏ bị bắt giữ (phí tổn cứ 100 quan tính 1 công).
- 7- Không ăn thịt trong một năm (5 công).

¹² Người Trung Quốc xưng hô bằng họ, gọi tên riêng là khinh bỉ.

8- Cứu một con vật có ích (10 công).

QUÁ

1- Xúi giết hoặc ngăn cản phóng sinh một con vật (100 quá).

2- Sát sinh một con thú lớn để ăn thịt (100 quá).

3- Sát sinh một con thú có ích (20 quá).

4- Sát sinh một con thú vô dụng [như già yếu] (3 quá).

5- Sát sinh một côn trùng (1 quá).

6- Xông khói hủy hoại tổ hang thú vật hay côn trùng (3 quá).

7- Nhốt giữ chim trong lồng (1 quá).

8- Không thương xót một con vật bị đau đớn (1 quá).

9. TỔNG KẾT VIỆC THIỆN ÁC (40 điều, 12 công, 28 quá)

CÔNG:

1- Khuyên người hành thiện (người được 1 công, mình được nửa công).

2- Khuyến khích và giúp người hành thiện (người được 1 công, mình được nửa công).

3- Khuyên ai đóng góp tiền làm việc thiện (cứ 300 quan tính 1 công).

- 4- In ấn và truyền bá sách khuyến thiện (phí tổn in ấn cứ 100 quan tính 1 công).
- 5- Tặng ai một bản kinh sách khuyến thiện (10 công).
- 6- Trong công việc, làm tốt nhiệm vụ được giao (10 công).
- 7- Khuyến một gia đình hướng thiện (30 công).
- 8- Công bố người tốt việc tốt (30 công).
- 9- Xây dựng trường học cho bá tính (30 công /1 học sinh học ở đó).
- 10- Giúp một người cải tà quy chính (50 công).
- 11- Đề xướng một công trình công ích (100 công).
- 12- Truyền bá tiểu sử những vị đạo đức, anh hùng (1.000 công).
- 13- Hòa giải một vụ xung đột, tranh chấp (3 công).
- 14- Hóa giải một mối hận thù (5 công).
- 15- Dàn xếp một vụ kiện tụng (5 công).
- 16- Đốt bỏ sách đồi trụy (10 công).
- 17- Cản ngăn sự đàm luận thô tục về phụ nữ (10 công).
- 18- Lên án việc trấn nước trẻ gái (30 công).
- 19- Cảnh báo một tội ác sắp xảy ra (30 công).
- 20- Thuyết giảng về sự hòa thuận (50 công).
- 21- Giảng về đạo hiếu (100 công).

QUÁ

- 1- Ngăn cản sự khuyến thiện (100 quá).
- 2- Sàm báng người thiện lương (50 quá).

- 3- Không hành thiện (5 quá).
- 4- Khi có khả năng mà không động viên giúp đỡ ai cả (5 quá).
- 5- Yểm tài người có công (5 quá).
- 6- Là nguyên nhân khiến người khác tiếp tục lún sâu vào tội ác (5 quá).
- 7- Tán tụng người quấy, khen kẻ tà đạo (5 quá).
- 8- Dạy người làm ác (mỗi việc ác 1 quá, người xúi giục bị 2 quá).
- 9- Xúi giục và tiếp tay người làm ác (mỗi người 1 quá).
- 10- Gieo bất hòa, xúi giục kiện tụng (100 quá).
- 11- Đỡ đầu trẻ lang thang để xúi chúng làm ác (100 quá).
- 12- Khắc in và truyền bá sách đòi trụ (50 quá).
- 13- Viết hồ sơ giấy tờ cho một vụ kiện càn quấy (50 quá).
- 14- Viết giấy xác nhận ly hôn (50 quá).
- 15- Tiến cử, giới thiệu kẻ vô đạo đức (30 quá).
- 16- Bày vẽ cho người lễ thói đòi bại (30 quá).
- 17- Giao du với kẻ ác (mỗi lần 10 quá).
- 18- Không an ủi kẻ đau khổ (1 quá).
- 19- Không soi sáng cho kẻ u mê gây ác (1 quá).

10. TƯ TƯỞNG (12 Điều, 6 công, 6 quá)

CÔNG

- 1- Quét sạch tư tưởng hắc ám ngay khi nó mới nảy sinh trong đầu (1 công).

- 2- Luôn ăn ở đàng hoàng ngay cả khi không có mặt ai (mỗi ngày 1 công).
- 3- Không làm những gì có thể kích thích tư tưởng hắc ám (mỗi ngày 1 công).
- 4- Suy gẫm điều thiện hay ác xảy ra cho người thế như cho mình (10 công).
- 5- Trọn một tháng làm lành tránh ác (100 công cộng thêm số công các việc thiện đã làm, coi như thưởng cho sự bền bỉ).

QUÁ

- 1- Nuôi dưỡng trong đầu những tư tưởng hắc ám suốt một ngày (30 quá).
- 2- Muốn điều xấu xảy ra cho người (10 quá).
- 3- Đắc ý hơn hờ trước lỗi làm kẻ khác (10 quá).
- 4- Không tin vào đức hạnh của người khác (2 quá).
- 5- Khoái trá nghĩ đi nghĩ lại một tư tưởng bản thủ (mỗi lần 1 quá).
- 6- Uất hận, hoặc có tư tưởng xấu nói chung (mỗi lần 1 quá).
- 7- Lơ đãng khi đọc kinh hoặc cầu nguyện (mỗi lần 1 quá).

11. HÀNH VI (19 Điều, 10 công, 9 quá):

CÔNG

- 1- Hoàn thành nhiệm vụ trong ngày (1 công).

- 2- Hành động vì bốn phần, không vì cầu khen thưởng (2 công).
- 3- Tự sửa được lỗi lầm khi được cảnh cáo (3 công).
- 4- Noi gương tốt của ai (3 công).
- 5- Không tìm cầu ân huệ của kẻ giàu sang quyền thế (5 công).
- 6- Kiên tránh những tham vọng ngông cuồng (20 công).
- 7- Nhượng bộ người đức hạnh (20 công).
- 8- Bền bỉ, kiên trì hành thiện cho đến lúc đạt kết quả tốt đẹp (20 công).
- 9- Chịu thiệt phần mình mà lợi cho người (50 công).
- 10- Sống hòa thuận với người khác, không chấp nê những xúc phạm vụn vặt (100 công).

QUÁ

- 1- Mưu hại người (100 quá).
- 2- Làm hại người để lợi về mình (50 quá).
- 3- Sàm báng người đạo cao đức trọng (50 quá).
- 4- Giành công về mình những điều thiện không do mình làm (30 quá).
- 5- Núp bóng việc công để trục lợi riêng [như lợi dụng lạc quyền để bỏ túi riêng] (10 quá).
- 6- Ngoan cố làm ác (3 quá).
- 7- Cản trở không cho một việc thiện được thành tựu (1 quá).

8- Hành động ích kỷ (1 quá).

9- Từ chối không tán thành một việc đáng tưởng thưởng (1 quá).

12. NGÔN NGỮ (8 điều: 5 công, 3 quá)

CÔNG

1- Nói năng thận trọng, dè dặt, trung thực (mỗi ngày 1 công).

2- Nói lời lành và lời ấy giúp ích cho ai (10 công).

3- Khuyến khích việc lành, bài bác việc ác, bằng cách giảng thuyết về lẽ thiện ác báo ứng, luật nhân quả (10 công).

4- Chứng minh sự vô tội của một bị cáo (50 công).

5- Giảng thuyết sách khuyến thiện (100 công).

QUÁ

1- Làm báo cáo láo, phức trình sai lạc (100 quá).

2- Nói báng bổ thánh thần (50 quá).

3- Tiết lộ tật kín của ai (50 quá).

4- Châm biếm về đức hạnh phụ nữ (50 quá).

5- Gieo rắc bất hòa (30 quá).

6- Nói lừa phỉnh ai (10 quá).

7- Báng bổ việc thiện, đạo đức (10 quá).

8- Đặt vè châm biếm ai (5 quá).

9- Giễu cợt đáng vè bộ điệu của ai (3 quá).

10- Thích nói về khuyết điểm của người khác (1 quá).

- 11- Nói dối (1 quá).
- 12- Nói chơi, nói tục (1 quá).
- 13- Ba hoa lắm lời không thôi (1 quá).

13. ĐỐI VỚI THÁNH THẦN (16 điều, 4 công, 12 quá)

CÔNG

- 1- Cúc cung phụng thờ thiên thần, địa thần, tổ tiên nơi từ đường (1 công).
- 2- Lấy giấy có chữ lẩn trong đồng rác mà đốt đi¹³ (1 công).
- 3- Chi phí vào nơi đền miếu thờ phụng (cứ 100 quan tính 1 công).
- 4- Khắc in và truyền bá lời dạy của thánh hiền (100 công).

QUÁ

- 1- Phê bình thánh hiền và chữ nghĩa của thánh hiền (100 quá).
- 2- Phá hoại miếu mạo, đền chùa (50 quá).
- 3- Hủy hoại kinh sách (20 quá).
- 4- Nhục mạ thánh thần, tổ tiên (20 quá).
- 5- Trích dẫn kinh sách để đùa cợt mua vui (10 quá).

¹³ Ý nói văn tự là phát minh tuyệt diệu của thánh hiền, truyền cho con người tri thức, sự thông minh, và đạo lý; xúc phạm văn tự (ném giấy có chữ vào đồng rác hay đi vệ sinh) là có lỗi.

- 6- Gọi tên thần thánh để thề thốt gian dối (10 quá).
- 7- Day về hướng Bắc [có sao Bắc Đẩu, nơi ngụ của chư thần] mà chửi rửa, khạc nhổ, tiểu tiện (3 quá).
- 8- Làm dơ bản giấy có chữ viết hay in (3 quá).
- 9- Làm dơ bản bếp lò và giếng nước [là nơi của Táo Quân và chư thần] (1 quá).
- 10- Tay bẩn chạm vào kinh sách (1 quá).
- 11- Đêm tối để cho thân thể lỏa lồ¹⁴ (1 quá).
- 12- Hoang phí của cải, vật chất (1 quá).

14. DỤC VỌNG TỰ CHỦ (15 Điều, 8 công, 7 quá)

CÔNG

- 1- Lịch sự, nghiêm trang (mỗi ngày 1 công).
- 2- Không lì lợm, ngoan cố (1 công).
- 3- Chịu đựng sự mâu thuẫn (1 công).
- 4- Không nổi giận (3 công).
- 5- Kiên trì, chịu khó (3 công).
- 6- Tha thứ kẻ xúc phạm mình (3 công).
- 7- Nhẫn nhịn sự công kích hay chống đối (5 công).
- 8- Cam chịu nghịch cảnh, không oán trách Trời và người (10 công).

¹⁴ Ý nói nơi nào dù nhà tối cũng có chư thần, để thân thể lỏa lồ là xúc phạm thần linh.

QUÁ

- 1- Cư xử thô lỗ, cục súc (100 quá).
- 2- Hay gây hấn với mọi người (30 quá).
- 3- Phản kháng, cãi lại (10 quá).
- 4- Càu nhàu phàn nàn khi có lỗi hay thất vọng (5 quá).
- 5- Cáu giận, quát tháo (5 quá).
- 6- Thích lời nịnh bợ (1 quá).
- 7- Khi say rượu chửi bới, đánh đập người khác (1 quá).

15. Y PHỤC ẨM THỰC (7 điều, 3 công, 4 quá)

CÔNG

- 1- Tri túc (mỗi ngày 1 công).
- 2- Gom nhặt ngũ cốc rơi rớt trên mặt đất (1 công).
- 3- Ăn không kén chọn hoặc đòi hỏi thức ăn (1 công).

QUÁ

- 1- Mong muốn quá phận (10 quá).
- 2- Mặc y phục vượt quá hoàn cảnh của mình (5 quá).
- 3- Lãng phí ngũ cốc (1 quá).

16. TÀI SẢN VÀ THƯƠNG NGHIỆP (31 điều, 14 công, 17 quá)

CÔNG

- 1- Trung thực trong kinh doanh (mỗi ngày 1 công).
- 2- Chia lời lãi chính xác cho người hùn hạp kinh doanh (1 công).
- 3- Trả lương đúng kỳ hạn cho nhân viên (1 công).
- 4- Cho người hàng xóm mượn đồ nghề khi họ cần đến (1 công).
- 5- Thừa nhận một khoản nợ mình đã vay hay một khoản tiền mà người khác gởi cho mình giữ giùm (cứ 100 quan tính 1 công).
- 6- Xỏ xâu các quan tiền và đếm đúng (cứ 100 quan tính 1 công).
- 7- Nộp thuế đủ và đúng hạn (cứ 100 quan tính 1 công).
- 8- Không tăng giá lúa gạo/lương thực trong năm đói kém (cứ 100 quan tính 1 công).
- 9- Bồi thí xứng đáng cho người nghèo đang xin mình (cứ 100 quan tính 1 công).
- 10- Nhận phải tiền giả, bạc giả, thà chịu thiệt thòi phần mình chứ không chuyển sang người khác (cứ 100 quan tính 1 công).
- 11- Cho mượn tiền không lấy lãi (cứ 200 quan tính 1 công).
- 12- Cân đo đúng (10 công).
- 13- Không truy bức một con nợ đang túng quẫn (10 công).

14- Giúp một gia đình mắc nợ được phục hồi cơ nghiệp (100 công).

QUÁ

- 1- Làm tiền giả, bạc giả (100 quá).
- 2- Tiêu tán di sản tổ tiên (100 quá).
- 3- Truy bức một con nợ đang túng quẫn (100 quá).
- 4- Chiếm đất đai người khác (50 quá).
- 5- Xúi giục người khác cờ bạc (10 quá).
- 6- Cờ bạc bịp (cứ 100 quan ăn gian tính 1 quá).
- 7- Cường đoạt tiền của người khác (cứ 100 quan tính 10 quá).
- 8- Trục lợi từ cảnh khốn cùng của người khác (cứ 100 quan tiền lời tính 10 quá).
- 9- Trong năm đói kém, bán lúa gạo cửa cỏ thiên hạ (mỗi ngày 1 quá).
- 10- Trong thanh toán, tính trộm số tiền mà người ta phải trả (cứ 100 quan tính trộm tính 5 quá).
- 11- Không thừa nhận một khoản nợ mình đã vay hay một khoản tiền mà người khác gởi cho mình giữ giùm (cứ 100 quan tính 5 quá).
- 12- Uy hiếp người ta phải bán rẻ cho mình một tài sản (cứ 100 quan tiền lời tính 5 quá).
- 13- Chi trả cho người khác tiền giả, ngân phiếu giả, bạc giả (cứ 100 quan tính 3 quá).
- 14- Cân đo dư khi thu vào, cân đo thiếu lúc bán ra (cứ 100 quan lời bất chính tính 1 quá).

- 15- Trộm cắp hoặc gây thiệt hại cho người (cứ 100 quan tính 1 quá).
- 16- Dùng sái tài năng trời phú cho mình [dùng tài năng vào việc bất chính] (mỗi lần 1 quá).
- 17- Lén chiếm đoạt tài sản của người dù là cây kim, cọng rạ (1 quá).

17. **GIỚI DÂM** (38 điều, 16 công, 22 quá)

CÔNG

- 1- Trải qua một ngày một đêm không tà ý (1 công).
- 2- Không đọc dâm thư, không xem hình ảnh đồi trụy (1 công).
- 3- Tránh né một cuộc gặp gỡ nguy hiểm [dẫn đến tà dâm] (1 công).
- 4- Không kết giao kẻ dâm ác (1 công).
- 5- Ngăn cản người khác thốt lời tục tĩu (3 công).
- 6- Mạnh dạn nói về hậu quả của hạnh kiểm xấu, v.v. (mỗi lần 1 công).
- 7- Không nhìn chòng chọc vào người đẹp (5 công).
- 8- Xua đuổi kẻ xúi mình làm quấy (5 công).
- 9- Ở nhà cư xử trang nghiêm với vợ (10 công).
- 10- Cưỡng lại sự sa ngã cám dỗ (mỗi lần 10 công).
- 11- Tôn trọng tổ gái (100 công).

- 12- Tôn trọng một phụ nữ, không lợi dụng cô ta trong hoàn cảnh có thể lợi dụng được (100 công).
- 13- Hủy bản khắc gỗ dùng in sách hay ảnh đôi trượng (300 công).
- 14- Viết bài đả kích sự dâm dục (300 công).
- 15- Dìu dắt một thiếu nữ bỏ nhà đi hoang trở về với gia đình (300 công).
- 16- Suốt đời không ngoại tình (1.000 công).

QUÁ

- 1- Sáng tác dâm thư, vẽ hình tục tĩu (vô số quá).
Do thông dâm mà ám sát hay đầu độc một phụ nữ (1.000 quá).
- 2- Do phóng đảng mà phá nát gia cang (1.000 quá).
- 3- Xúi giục người phá thai (1.000 quá).
- 4- Thông dâm với tứ gái, gái góa, nữ tu (300 quá).
- 5- Thông dâm với đàn bà đã từng trung trinh với chồng (100 quá).
- 6- Thông dâm với phụ nữ mất hạnh phúc [chấn gối] trong hôn nhân (50 quá).
- 7- Cường dâm tứ gái, vợ của tứ trai, vú em (100 quá).
- 8- Qua đêm với gái điếm (10 quá).
- 9- Ăn chơi sa đọa làm hủy hoại thân thể [hoặc mắc bệnh phong tình] đến nỗi cha mẹ không có cháu nối dõi (100 quá).

- 10- Chứa gái điếm, dắt mối cho kẻ kê gian¹⁵, (356) công khai bảo bọc gái điếm hay gái bao (10 quá).
- 11- Trong danh sách các tuồng hý kịch, cố ý lựa chọn các vở tuồng dâm đẳng (10 quá).
- 12- Ngắm nghĩa phụ nữ một cách đầy tà ý (5 quá).
- 13- Bồn cọt trơ trẽn về tính dục (5 quá).
- 14- Tại nhà, quá phóng túng suồng sã với vợ (5 quá).
- 15- Không kiêng cử chuyện chăn gối vào các ngày giỗ cha mẹ (3 quá).
- 16- Sở hữu và gìn giữ dâm thư, hình ảnh đồi trụy (mỗi ngày 1 quá).
- 17- Đặt thơ về tục tĩu (1 quá).
- 18- Trong mùa nóng nực để thân thể lỏa lồ cho thoải mái (1 quá).
- 19- Nói lời tục tĩu (1 quá).
- 20- Trên phố không nhường bước phụ nữ (mỗi lần 1 quá).
- 21- Chửi tục tở gái (mỗi lần 1 quá).

¹⁵“Servir de proxénète à une prostituée, à un sodomite.” Kinh mà ghi rõ là sodomite kẻ cũng lạ.

ⁱ Quan Thánh Đế Quân

Quan Thánh: vị Thánh họ Quan.

Quan Vũ (162 – 219), cũng được gọi là Quan Công, tự là Vân Trường, Trường Sinh, là một vị võ tướng thời kỳ cuối nhà Đông Hán và thời Tam Quốc ở Trung Quốc. Ngài là người đã góp công lớn vào việc thành lập nhà Thục, với Lưu Bị là vị hoàng đế đầu tiên. Ngài cũng là người đứng đầu trong số ngũ hổ tướng của nhà Thục, bao gồm: Quan Vũ, Trương Phi, Triệu Vân, Hoàng Trung và Mã Siêu.

Ngài giáng sinh vào ngày hai mươi bốn tháng sáu năm Diên Hi thứ ba đời Đông Hán, ở thôn Hạ Phùng, huyện Giải (sau thành châu Giải), quận Hà Đông, bộ Hiệu Úy của Trục Lệ (nay là thôn Thường Bình, làng Thường Bình, Vạn Thành). ([1])

Điểm đặc biệt hiếm thấy trong tín ngưỡng thờ đức Quan Thánh Đế Quân là Ngài được tôn vinh trong cả Tam Giáo (Nho, Phật, Đạo).

Nho giáo thì tôn xưng Ngài là một trong “Ngũ Văn Xương”, lại tôn là “Văn Vệ Thánh Đế”, hoặc “Sơn Tây Phu Tử”; có khi tôn là Á Thánh, Á Hiền. Dân gian Trung Quốc có câu nói: “Ở Sơn Đông có một người làm kinh Xuân Thu (chỉ Khổng Tử); Ở Sơn Tây có một người xem kinh Xuân Thu (chỉ Quan Thánh Đế)”. Có câu này là do thuở bình sinh, Ngài rất yêu kinh Xuân Thu, hễ khi nào rảnh rỗi là ngồi đọc.

Đạo giáo thì thờ Ngài như là một vị gần gũi với Ngọc Hoàng Thượng Đế, tôn xưng Ngài là “Dục Hán Thiên Tôn”, “Hiệp Thiên Đại Đế” hoặc “Vũ An Tôn Vương”.

Phật giáo thì lấy sự trung nghĩa của Ngài làm Hộ Pháp, lại có truyền thuyết Ngài đã từng hiển thánh ở núi Ngọc Tuyền, quy

y nhà Phật. Do đó, tôn Ngài làm “Cái Thiên Cổ Phật” hoặc “Hộ Pháp Già Lam”.

“Tứ điện Nho Phật Đạo” giảng giải về đức Quan Thánh Đế Quân như sau:

“Ngài là vị Võ thánh nhân giáng thần trợ uy được cả Phật giáo và Đạo giáo phụng thờ. Sau khi mất, đầu được táng tại Lạc Dương, Hà Nam (khu lăng mộ Quan Âm), mình táng tại núi Ngọc Tuyền, Dương Dương, Hồ Bắc. Người đương thời cảm về đức nghĩa của Ngài, hàng năm thờ cúng rất chu đáo. Năm đầu Sùng Ninh (1102), Tống Huy Tông truy phong là “Trung Huệ Công”. Năm Tuyên Hòa 5 (1123) phong là “Nghĩa Dũng Vũ An Vương”. Năm Vạn Lịch 33 (1605) nhà Minh gia phong là “Tam giới Phục ma Đại đế Thần uy Viễn chấn Thiên tôn Quan thánh Đế quân”. Đến thời Thuận Trị nhà Thanh, lại ban sắc phong là “Trung nghĩa Thần vũ Linh hựu Nhân dũng Uy hiển Hộ quốc Bảo dân Tinh thành Tuy tĩnh Dực tán Tuyên đức Quan thánh Đại đế”.

Ngài trở thành vị Võ Thánh sánh ngang với Văn Thánh Khổng Tử. Tương truyền ngay từ thời nhà Tùy, Ngài đã trở thành một trong những vị thần hộ pháp của Phật giáo. Bấy giờ, ở núi Thiên Thai có một nhà sư muốn xây chùa, đang đêm ngủ mộng thấy một vị thần nhân tự xưng là Quan Vũ, nguyện làm đệ tử của Phật, hộ trì Phật pháp. Sau đó, nhà sư bẩm lên Tấn Vương Dương Quảng. Dương Quảng bèn phong Quan Vũ là Già lam thần. Thần tích liên quan đến Ngài trong Đạo giáo càng trở nên phổ biến hơn. Hán thiên sư thế gia nói rằng khi Thiên sư thế hệ 30 của Trương Kế Tiên dùng bùa trừ giao long ở Giải Châu thì Ngài là thiên tướng thủ hạ của thiên sư. Có sách Đạo thư nói tiền thân của Ngài là con rồng già trong đầm núi Lô Thủ, tôn là Quan Thánh Đế Quân, gọi tắt là Quan Đế.

Hậu thế có nhiều loại văn khuyến thiện thông tục, giả thác tên ngài như Quan Đế Giác Thế Chân Kinh, Quan Đế Minh

Thánh Kinh, Giới sỹ tử văn, v.v... lưu truyền rất rộng”. (hết lời trích)

Là một trong những nhân vật lịch sử của Trung Quốc được biết đến nhiều nhất ở khu vực Đông Á, hình tượng của Ngài đã được tiểu thuyết hóa trong Tam Quốc diễn nghĩa của La Quán Trung và sau này được khắc họa trong các dạng hình nghệ thuật như kịch, chèo, tuồng, phim ảnh v.v với những chiến tích và phẩm chất đạo đức được đề cao cũng như được thần thánh hóa trong các câu chuyện dân gian, bắt đầu từ thời kỳ nhà Tùy (581-618).

Ngài cũng được thờ cúng ở rất nhiều nơi, đặc biệt là ở Hồng Kông, với tượng mặt đỏ, râu dài, tay cầm cây Thanh Long đao, cưỡi ngựa xích thố, hoặc ngồi đọc kinh Xuân Thu. Tương truyền thanh long đao của Ngài nặng 82 cân (khoảng 18 kg ngày nay).

Dân gian coi Ngài như một biểu tượng của tính hào hiệp, trọng nghĩa. Cũng vì cảm khái trước lòng hào hiệp, trọng nghĩa của Ngài mà người đời sau có rất nhiều câu đối đề tặng ngài, trong đó có những đôi câu đối nổi tiếng như:

Chí tại Xuân Thu, công tại Hán

Trung đồng nhật nguyệt, nghĩa đồng thiên

Dịch nghĩa

Lập chí ở Kinh Xuân Thu, lập công cho nhà Hán

Lòng trung tựa mặt trời, mặt trăng;

Nghĩa sánh với trời

Hoặc

Xích diện bình xích tâm,

kỵ Xích thố truy phong,

*trì khu thời,
vô vong Xích đế
Thanh đăng quang thanh sử,
trượng thanh long yển nguyệt,
ân vi xư,
bất quý thanh thiên*

Dịch nghĩa

*Mặt đỏ lòng son,
cười Xích thố như gió,
khi rong ruổi không quên vua Đỏ ([2])
Đèn xanh xem sử xanh,
nuơng thanh long yển nguyệt,
chón ân vi chẳng thẹn với trời xanh*

Người xưa cũng có bài thơ tán dương Ngải như sau:

Phiên âm

*Tinh trung xung nhật nguyệt
Nghĩa khí quán càn khôn
Diện xích tâm vuơ xích
Tu trường nghĩa cánh trường*

Dịch nghĩa:

*Lòng trung như mặt trời, mặt trăng,
Nghĩa khí như trời đất.
Mặt đỏ, tâm cũng đỏ,
Râu dài, nghĩa cũng lớn*

Tại ngôi miếu Quan Vương ở cửa Thiên Nhạc, núi Hoàng Long, huyện Thông Thành (Trung Quốc) có đôi câu đối:

Sinh Bò Châu, giúp Dữ Châu, ngồi trấn Kinh Châu, tay đỡ dựng ngàn thu sự nghiệp;

Anh Huyền Đức, em Dục Đức, chẳng hàng Mạnh Đức, lòng son rung vạn thuở cương thường.

Nhiều đời vua Trung Quốc nối tiếp nhau gia phong cho Ngài từ tước “Hầu” lên đến vị “Thánh” như sau:

- Hán Hậu Chủ (năm 260) truy phong tên thụy của Quan Công là “Tráng Mậu Hầu”.
- Năm Sùng Ninh thứ nhất (năm 1102) đời vua Huy Tông Bắc Tống phong làm “Trung Huệ Công”.
- Năm Sùng Ninh thứ ba (năm 1104) đời vua Huy Tông Bắc Tống tấn phong làm “Sùng Ninh Chân Quân”.
- Năm Đại Quan thứ hai (năm 1108) chúc phong làm “Vũ An Vương”.
- Năm Tuyên Hòa thứ năm (năm 1112) tái phong làm “Nghĩa Dũng Vũ An Dương”.
- Năm Kiến Viêm thứ hai (năm 1128) đời vua Cao Tông Nam Tống phong làm “Tráng Mậu Nghĩa Dũng Vũ An Vương”.
- Năm Thuần Hi thứ mười bốn (năm 1187) vua Hiếu Tông phong làm “Tráng Mậu Nghĩa Dũng Vũ An Anh Tế Vương”.
- Năm Thiên Lịch thứ nhất (năm 1328) đời vua Văn Tông nhà Nguyên phong làm “Hiển Linh Nghĩa Dũng Vũ An Anh Tế Vương”.
- Năm Hồng Vũ thứ hai mươi bảy đời vua Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương sắc lệnh cho xây dựng “Quan Công Miếu” ở Nam Kinh, và ra lệnh mọi người phải bái kính Ngài.
- Minh Hiến Tông sắc lệnh trùng tu Miếu Quan Công.

- Năm Vạn Lịch thứ mười (năm 1528) đời vua Thần Tông nhà Minh phong làm “Hiệp Thiên Hộ Quốc Trung Nghĩa Đế”. Sau ban sắc chỉ sửa đổi tên Miếu Thờ Quan Công ở châu Giải là “Anh Liệt Miếu”.
- Năm Vạn Lịch thứ bốn mươi hai (năm 1614) đời vua Thần Tông nhà Minh phong làm “Tam giới Phục ma Đại Đế Uy viễn chấn Thiên tôn Quan Thánh Đế Quân”. Lại ban sắc lệnh cho “dát vàng” y phục của tượng Ngài Quan Công ở miếu thờ kinh đô, phong Lục Tú Phủ và Trương Thế Kiệt làm tả hữu Thừa Tướng cho Quan Thánh Đế Quân; Nguyên soái Nhạc Phi (đời Tống) và Uất Trì Cung (đời Đường) là Già Lam Hộ Pháp cho Ngài; lại phong cho phu nhân của Quan Công là “Cửu Linh Ý Đức Vũ Túc Anh Hoàng Hậu”; phong cho trưởng tử Quan Bình làm “Kiệt Trung Vương”, thứ tử Quan Hưng làm “Hiển Trung Vương”, Châu Thương (Xương) làm “Uy Linh Huệ Dũng Công”.
- Năm Thuận Trị thứ nhất (năm 1644) đời vua Thế Tổ nhà Thanh phong làm “Trung Nghĩa Thần Vũ Quan Thánh Đại Đế”.
- Năm Ung Chính thứ nhất đời Thanh gia phong làm “Linh Hựu”.
- Vua Khang Hi nhà Thanh phong làm “Phục Ma Đại Đế”.
- Năm 1703, đích thân vua Khang Hi nhà Thanh đến quê của Quan Công ở châu Giải để bái yết và đề biễn cho Miếu thờ Ngài.
- Năm Càn Long thứ 53 đời Thanh gia phong “Trung Nghĩa Thần Vũ Linh Hựu Quan Thánh Đại Đế”.
- Năm Ung Chính thứ ba (năm 1725) vua Thế Tông nhà Thanh truy phong tăng tổ của Quan Công, ông cố là “Quang Thiệu Công”, ông nội là “Dụ Xương Công”, còn cha là “Thành Trung Công”.
- Trải qua các đời vua Nhân Tông, Cao Tông, Tuyên Tông, Văn Tông nhà Thanh cũng đều có gia phong và đề biễn ở Miếu thờ Ngài:

- Năm Đạo Quang thứ tám, gia phong hai chữ “Uy Hiên”,
- Năm Hàm Phong thứ nhất, tái gia phong hai chữ “Tĩnh Thành”,
- Tuyên Hựu phong hai chữ “Tuy Tĩnh” và ban cho tám biển đề “Vạn Thế Nhân Cực”,
- Đồng Trị gia phong hai chữ “Dực Tán”,
- Quang Tự gia phong hai chữ “Tuyên Đức”.
- Đời Thuận Trị được sắc phong danh hiệu dài tới 26 chữ là:

“TRUNG NGHĨA THẦN VŨ LINH HUY NHÂN DŨNG
UY HIÊN HỘ QUỐC BẢO DÂN TÌNH THÀNH TUY
TĨNH DỤC TÁN TUYÊN ĐỨC QUAN THÁNH ĐẠI
ĐẾ”.

Nhà vua lại sắc lệnh cho cả nước đều xây Miếu Thờ Quan Thánh Đế Quân, xuân thu nhị kỳ phải chí thành cúng tế.

([1]) Có nhiều thông tin khác nhau về ngày sinh, ngày mất của Quan Thánh Đế. Tham khảo mục Các ngày lễ trọng của các vị được phụng thờ tại đền Thượng – Phần Một của sách này.

([2]) Chỉ nhà Hán, vì nhà Hán ứng với vận hỏa.

ii **Lữ Động Tân 呂洞賓**

Là một nhân vật lịch sử và là một vị thần trong số Bát Tiên, được tôn kính trong lịch sử văn hóa Trung Hoa.)

Lữ Động Tân, con của Thứ Sử Hải Châu, sanh ngày 14 tháng 4. Khi bà mẹ mới sanh Ông thì trong phòng mùi hương thơm phức, có hạc trắng bay vào phòng rồi biến mất. Ấy là Huê Dương Chơn Nhơn đầu thai xuống trần làm Lữ Động Tân.

Lữ Động Tân lớn lên, mắt phụng mày ngài, tay dài, cổ cao, mũi thẳng, xương gò má cao, chơn mày bên tả có nốt ruồi, dưới

bàn chơn có chỉ như lưng qui, mình cao 8 thước 2, tánh ưa bịt khăn huê dương (bao đánh xanh), mặc áo đạo sĩ.

Khi ấy có thầy coi tướng Mãn Tổ đến coi đoán rằng: “Người trẻ này tướng khác phàm tục, sau gặp chữ Lư thì đắc thời, gặp chữ Chung thì thành đạo.”

Mọi người trong nhà đều nghe nhưng không hiểu gì.

Năm 20 tuổi, Lữ Đồng Tân xưng hiệu là Thuần Dương, nên gọi là Lữ Thuần Dương, đi thi đỗ Tú Tài, tiếp theo đỗ luôn Cử Nhân, nhưng khi thi Tiến Sĩ thì rớt. Khi đến núi Lư sơn, gặp Huỳnh Long Chơn Nhơn dạy cho phép tu luyện và tặng cho một thanh gươm chém được yêu quái.

Ngày kia, Lữ Đồng Tân đến chợ Trường An, huyện Hàm Đan, vào quán rượu, gặp một đạo sĩ mặc áo trắng đang đề thơ trên vách ba bài thi như sau:

*Ngồi đứng hăng mang rượu một bầu,
Chẳng cho cặp mắt thấy Hoàng Châu.
Dạo chơi ít kẻ tường tên họ,
Trên thế thanh nhàn muốn được đâu?*

*Thần Tiên tìm bạn khó không nài,
Có phước theo ta để mấy ai?
Đông Hải rõ ràng nhiều động đá,
Ít người được thấy núi Bồng Lai.*

*Dạo chơi theo thuở, ở theo thời,
Danh lợi làm chi mắc nợ đời.
Năm nghĩ co tay hằng đếm mãi,
Mấy ai ao ước được như lời.*

Lữ Đồng Tân thấy đạo sĩ cốt cách Thần Tiên, đề thơ thanh thoát thì cảm phục lắm, liền đến làm quen, chấp tay chào hỏi và xin Đạo sĩ cho biết họ tên. Đạo sĩ mời ngồi, rồi nói rằng:

– Ông hãy làm một bài thơ cho ta biết ý trước đã.

Lữ Đồng Tân liền đọc:

*Cân đai ràng buộc ý không màng,
Áo vải coi ra rất nhẹ ì nhàng.
Danh lợi cuộc đời chưa phỉ nguyện,
Làm tôi Thượng Đế mới nên trang.*

Đạo sĩ nói:

– Ta là Chung Ly Vân Phòng, tu ở núi Triều Hạc, Ông có muốn đi chơi với ta không?

Đồng Tân có vẻ lưỡng lự. Vân Phòng biết họ Lữ còn muốn đi thi Tiến Sĩ để trở danh với đời, nên ý còn dè dặt.

Vân Phòng muốn độ Lữ Đồng Tân nên ngồi nấu một nồi huỳnh lương, tức là nồi bắp vàng. Trong lúc chờ cho nồi bắp chín, Vân Phòng đưa cho Lữ Đồng Tân một cái gối, bảo nằm xuống nghỉ, còn mình thì tiếp tục chụm củi đun nồi bắp.

Đồng Tân nằm xuống, kê đầu lên gối, giây lát chiêm bao thấy mình vác lều chõng đi thi, ngang qua nhà giàu nọ, gặp người con gái rất đẹp thì ước lời. Nàng nói rằng: Nếu chàng thi đậu Trạng Nguyên thì thiếp nguyện nâng khăn sửa đắp.

Lữ Đồng Tân vào khoa thi đỗ Trạng, về cưới nàng ấy, sau lại cưới thêm hầu thiếp, được vua bổ làm quan Gián Nghị, lần lần thăng lên. Sau 40 năm được vua phong tới chức Thừa Tướng, con cái đông đảo, sui gia cũng bậc quan lớn, lại có cháu nội cháu ngoại. Thật là vinh sang phú quý tột bậc.

Chẳng may, sau đó bị gian thần hãm hại, vu oan giá họa, vua tin lời, bắt tội, truyền tịch thu gia sản, đày qua núi Lãnh Biển, cực khổ vô cùng. Kế giựt mình thức dậy.

Vân Phòng ngồi kế bên cười lớn, ngâm câu thơ:

Nồi bấp hầy còn ngồi,

Chiêm bao đà thấy cháu.

Lữ Đồng Tân lấy làm lạ hỏi rằng:

– Thầy biết sự chiêm bao của tôi sao?

– Chiêm bao 50 năm, công việc cả muôn, thiệt không đầy một lát, đặng chẳng khá mừng, mát không nên thảm, hết vinh tới nhục là lẽ thường. (Do sự tích này mà người ta nói: Giác Huỳnh lương, Giác kê vàng, Giác Hàm Đan, là để chỉ giấc mộng của Lữ Đồng Tân, xem vinh hoa phú quý là phù du mộng ảo).

Đồng Tân nghe Vân Phòng nói vậy, liền tỉnh ngộ, ngẫm nghĩ thấy chán ngán cuộc đời, cầu xin Vân Phòng truyền đạo.

Vân Phòng nói:

– Việc nhà hầy chưa an, đời sau tu cũng không muộn.

Nói rồi liền bỏ đi. Lữ Đồng Tân trở về nhà, bỏ việc công danh, lo tu tâm dưỡng tánh. Trong thời gian đó, Chung Ly Vân Phòng lần lượt bày ra 10 điều để thử tâm chí của Lữ Đồng Tân. Vân Phòng rất hài lòng về người đệ tử này, nói:

– Ta đã thử 10 điều, khen người bền chí, đáng được truyền đạo trường sanh. Song người chưa có công quả bao nhiêu, nên ta rước gấp chưa được. Nay ta dạy người phép chỉ đá hóa vàng, người cứu đời cho có công quả, rồi ta sẽ rước người về Thượng giới.

Lữ Đồng Tân thưa rằng:

– Vàng ấy chừng bao lâu mới phai?

– Cách 3000 năm mới trở.

Lữ Đồng Tân châu mày thưa rằng:

– Như vậy thì cứu người nghèo bây giờ mà lại làm hại những kẻ 3000 năm sau nhiều lắm, thiệt tôi chẳng nỡ.

Vân Phòng khen:

– Lòng người nhơn đức 10 phần, truyền đạo bây giờ cũng đáng.

Nói rồi dắt Lữ Đồng Tân về núi Triều Hạc, và sau đó truyền hết các phép tu luyện cho Lữ.

Một ngày nọ, Vân Phòng gọi Lữ Đồng Tân nói:

– Ta sắp lên châu Thượng Đế, sẽ tâu xin đem tên người vào sổ Tiên. Cách 10 năm nữa, đến gặp ta tại Động Đình Hồ.

Xảy có một vị Tiên cỡi hạc bay đến nói:

– Có chiếu chỉ của Đức Thượng Đế phong Vân Phòng làm chức Kim Khuyết Thượng Tiên. Hãy mau lên lãnh sắc.

Vân Phòng liền từ giã Lữ Đồng Tân rồi bay lên mây. Lữ Đồng Tân vẫn ở núi Triều Hạc để tu và lập công quá.

Ngày nọ, Lữ Đồng Tân đến sông Giang Hoài, được biết có một con giao thành tinh, phá hại dân chúng. Đã có nhiều đạo sĩ đến trị nó không nổi. Lữ Đồng Tân biết mình có gươm phép của Huỳnh Long Chơn Nhơn ban cho, chắc trừ nó đáng, nên nói với quan Phủ để mình lãnh cho.

Nói rồi, rút gươm phép ra, miệng niệm Thần chú, phóng gươm xuống sông Giang Hoài, giây phút thấy nước sông nổi sóng, máu tươi vọt lên thắm đỏ dòng sông, con giao long bị chém đứt họng nổi lên. Gươm linh này chém xong lại trở vô vô. Quan Phủ rất mừng, tặng cho Lữ vàng bạc để đền ơn, nhưng họ Lữ không nhận.

Lữ Đồng Tân đi qua Châu Nhạc Dương, bố thí thuốc chữa bệnh, và tìm người lành đạo dẫn tu hành. Kế tới ngày hẹn với Chung Ly, Lữ Đồng Tân sắp đặt để đi đến Động Đình Hồ đón Vân Phòng và cùng Vân Phòng đi độ Hàn Tương Tử.

HỒI HƯƠNG

Nguyện đem công đức này

Trang nghiêm Phật Tịnh Độ

Trên đền bốn ơn nặng

Dưới cứu khổ ba đường

Nếu có ai thấy nghe

Cùng phát tâm bồ đề

Hết một báo thân này

Đồng sanh Cực Lạc quốc

NAM MÔ TÂY PHƯƠNG CỰC LẠC THẾ GIỚI

ĐẠI TỪ ĐẠI BI A DI ĐÀ PHẬT
